

Bản án số: **57/2022/DS-ST**

Ngày 29 tháng 09 năm 2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Huỳnh Thị Lệ** - Ông **Phạm Hồng Quang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Khuất Duy Toàn** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Phương Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Ngọc Đ - sinh năm 1957 và bà Phạm Thị Thanh H - sinh năm 1953; Cùng địa chỉ: Số 264 đường T, tổ 23, phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Bà H ủy quyền cho ông Đ tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền có chứng nhận của Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Hạnh ngày 17.8.2022. Ông Đ có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Đăng H - sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ 10, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam và bà Dương Vũ Vi V - sinh năm 1983; Địa chỉ: K264 đường T, tổ 22, phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng. Ông H vắng mặt, bà V có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, ông Phan Ngọc Đ và bà Phạm Thị Thanh H (đại diện theo ủy quyền là ông Phan Ngọc Đ) trình bày:

Trên cơ sở quen biết lẫn nhau, vợ chồng tôi đã cho vợ chồng ông Võ Đăng H và bà Dương Vũ Vi V vay số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Thời điểm vay 150.000.000 đồng ông H và bà V trực tiếp qua nhà tôi và tự nguyện viết

giấy mượn tiền ngày 30/02/2021 (âm lịch), có chữ ký của cả 2 vợ chồng. Sau khi vợ chồng ông H, bà V viết giấy mượn tiền thì vợ chồng chúng tôi đã giao đủ số tiền 150.000.000 đồng, bà V là người trực tiếp đếm tiền. Sau đó, ngày 02/7/2021 ông Võ Đăng H có tiếp tục mượn số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và ghi tiếp vào nội dung mượn tiền vào giấy mượn tiền ngày 30/02/2021 (âm lịch). Thời điểm mượn 10.000.000 đồng thì chỉ có ông H, không có bà V và vợ chồng chúng tôi cũng đã giao đủ thêm 10.000.000 đồng cho ông H. Theo tôi được biết thì vợ chồng ông H vay tiền để làm ăn, kinh doanh. Tại Giấy mượn tiền không thể hiện lãi suất và không xác định thời hạn trả nợ nhưng hai bên có thoả thuận là trả lãi 5.000.000 đồng/01 tháng. Tuy nhiên, thực tế từ đó đến nay ông H, bà V chưa trả bất cứ số tiền gốc, lãi nào liên quan đến khoản nợ này. Việc bà V cho rằng ông H hằng tháng có trả 5.000.000 đồng/01 tháng là không chính xác vì ông H trả tiền liên quan đến các khoản nợ khác và các khoản nợ này cũng đã giải quyết xong, không có tranh chấp.

Vợ chồng chúng tôi đã nhiều lần liên hệ ông Võ Đăng H và bà Dương Vũ Vi V yêu cầu trả khoản nợ trên nhưng ông Võ Đăng H và bà Dương Vũ Vi V không hợp tác, không trả nợ gốc cũng như không trả lãi phát sinh hằng tháng cho chúng tôi. Chúng tôi cũng đã gửi thông báo yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng ông H, bà V cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Việc ông H và bà V thoả thuận ông H là người có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng tôi chưa có sự đồng ý của vợ chồng tôi nên trách nhiệm trả nợ 150.000.000 đồng là của cả ông H, bà V. Do đó, vợ chồng chúng tôi khởi kiện, yêu cầu ông Võ Đăng H và bà Dương Vũ Vi V phải có nghĩa vụ trả cho chúng tôi số tiền đã cùng nhau mượn là 150.000.000 đồng; đối với số tiền 10.000.000 đồng ông Võ Đăng H mượn riêng sau này thì tôi yêu cầu ông Võ Đăng H có nghĩa vụ trả cho vợ chồng tôi. Vợ chồng chúng tôi không yêu cầu tính lãi.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn là bà Dương Vũ Vi V trình bày:

Tôi xác nhận vì chồng tôi là ông H cần vốn làm ăn, kinh doanh nên tôi và ông H có vay của vợ chồng ông Phan Ngọc Đ, bà Phạm Thị Thanh H số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Tại thời điểm vay tiền tôi và ông H trực tiếp đến nhà ông Đ bà H và tự nguyện ký vào giấy mượn tiền ngày 30/02/2021 (âm lịch) như ông H, bà H đã xuất trình cho Toà án, nội dung giấy mượn tiền là do ông H viết. Sau khi viết giấy thì ông Đ bà H có giao đủ 150.000.000 đồng và tôi là người trực tiếp đếm tiền nhưng sau đó đã giao toàn bộ tiền cho ông H sử dụng đi làm ăn. Sau đó đến ngày 02/07/2021 ông H có mượn thêm của ông Đ, bà H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) không thì tôi hoàn toàn không biết. Việc vay 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) có lãi hay không và thời hạn trả như thế nào thì ông H thoả thuận riêng với ông Đ, bà H, không ghi vào giấy nên tôi không rõ. Theo tôi được biết hằng tháng ông H có trả cho ông Đ, bà H số tiền lãi là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)

nhưng do ông H là người trả nợ nên tôi không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, cũng không rõ đã trả được số tiền bao nhiêu.

Hiện nay vợ chồng chúng tôi đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 112/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/05/2022 của TAND huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Tại Quyết định ly hôn hai vợ chồng xác định không có nợ chung vì hai vợ chồng đã ký thoả thuận trách nhiệm trả nợ của mỗi người theo giấy thoả thuận trả nợ ngày 06/05/2022. Theo thoả thuận này, đối với khoản nợ của ông Đ, bà H thì ông H có nghĩa vụ trả, tôi không có trách nhiệm. Tại thời điểm vợ chồng tôi lập giấy thoả thuận ngày 06/5/2022 thì ông Đ, bà H không biết vì vợ chồng tôi không thông báo. Tuy nhiên, sau đó, ông Đ và bà H có gặp tôi yêu cầu trả tiền thì tôi đã thông báo cho ông Đ, bà H về việc chồng tôi nhận đây là khoản nợ riêng và hứa sẽ có trách nhiệm trả; dẫn ông Đ, bà H về Thăng Bình gặp ông H. Do ông H và tôi đã thoả thuận đây là nợ riêng của ông H nên tôi không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà H về việc buộc tôi và ông H cũng có trách nhiệm trả 150.000.000 đồng, đề nghị Toà án buộc ông H là người có trách nhiệm trả nợ. Tôi yêu cầu Toà án triệu tập ông H để lấy lời khai, thu thập đầy đủ thông tin, chứng cứ để xác nhận số nợ trên chồng tôi đã trả hay chưa và còn nợ lại tổng cộng là bao nhiêu. Đồng thời, xem xét việc thoả thuận của chồng tôi trả nợ cho ông Đ như thế nào để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tôi theo đúng quy định của pháp luật.

Tại thời điểm vay tiền thì tôi và ông H cư trú tại địa chỉ K264 đường T, tổ 22, phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng nhưng khoảng trước tết năm 2022 ông H về quê ở huyện T, tỉnh Quảng Nam sinh sống, một mình tôi trú tại địa chỉ nêu trên.

Bị đơn – ông Võ Đăng H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn là bà Dương Vũ Vi V đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Võ Đăng H chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, không trình bày ý kiến của mình và vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Võ Đăng H và bà Dương Vũ Vi V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Ngọc Đ và bà Phạm Thị Thanh H số tiền đã vay là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu

đồng); buộc ông Võ Đăng H có nghĩa vụ trả cho ông Phan Ngọc Đ và bà Phạm Thị Thanh H số tiền đã vay là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn là ông Phan Ngọc Đ và bà Phạm Thị Thanh H với bị đơn là ông Võ Đăng H và bà Dương Vũ Vi V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới.

[1.3] Bị đơn – ông Võ Đăng H được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa ông Võ Đăng H vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông Võ Đăng H.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc Đ và bà Phạm Thị Thanh H đối với ông Võ Đăng H và bà Dương Vũ Vi V thì thấy:

[2.1] Nguyên đơn ông Phan Ngọc Đ và bà Phạm Thị Thanh H cho rằng do có quan hệ quen biết nên đã cho ông Võ Đăng H và bà Dương Vũ Vi V vay 150.000.000 đồng vào ngày 30/02/2021 (âm lịch); sau đó có cho ông Võ Đăng H vay tiếp 10.000.000 đồng vào ngày 02/7/2021. Ông Đ, bà H cung cấp 01 Giấy mượn tiền viết tay có nội dung như đã trình bày. Bị đơn là bà Dương Vũ Vi V xác nhận bà và chồng là ông Võ Đăng H có vay và nhận đủ số tiền 150.000.000 đồng theo 01 Giấy mượn tiền như ông Đ, bà H xuất trình; đối với việc ông H vay thêm 10.000.000 đồng thì bà không biết. Tuy nhiên, bà V cho rằng ông H đã trả lãi 5.000.000 đồng/01 tháng cho ông Đ, bà H; hiện nay bà và ông H đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 112/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/05/2022 của TAND huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam và thỏa thuận ông H có nghĩa vụ trả khoản nợ của ông Đ, bà H nên bà không có trách nhiệm trả nợ.

[2.2] HĐXX xét thấy, bà Dương Vũ Vi V thừa nhận bà và chồng là ông Võ Đăng H có vay và đã nhận đủ số tiền 150.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền viết tay ngày 30/02/2021 (âm lịch) như ông Phan Ngọc Đ và bà Phạm Thị Thanh H cung cấp cho Tòa án. Mặc dù cho rằng ông H đã trả lãi 5.000.000 đồng/01 tháng cho ông Đ, bà H nhưng bà V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ; không xác định được tổng số tiền lãi đã trả; ông Đ, bà H không thừa nhận lời trình bày của bà V. Bị đơn là ông Võ Đăng H mặc

dù đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện trong thông báo thụ lý và nội dung những vấn đề hoà giải trong các thông báo hoà giải nhưng đã không có ý kiến, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn nợ, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận việc ông Võ Đăng H có vay 150.000.000 đồng vào ngày 30/02/2021 (âm lịch) cùng với bà V; vay riêng 10.000.000 đồng vào ngày 02/7/2021 của ông Phan Ngọc Đ và bà Phạm Thị Thanh H và chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền đã vay.

[2.3] Đối với việc bà V cho rằng bà và ông H đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 112/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/05/2022 của TAND huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam và thỏa thuận ông H có nghĩa vụ trả khoản nợ của ông Đ, bà H nên bà không có trách nhiệm trả nợ HĐXX xét thấy: Bà V cung cấp 01 Giấy thỏa thuận giữa bà và ông H về việc trả các khoản nợ sau khi ly hôn ngày 06.5.2022. Theo giấy thỏa thuận thì ông H có nghĩa vụ trả khoản nợ với ông Đ, bà H. Tuy nhiên, ông Đ, bà H cho rằng tại thời điểm ông H, bà V ký giấy thỏa thuận chuyển giao trách nhiệm trả nợ sang một mình ông H thì không được thông báo. Bản thân bà V cũng thừa nhận việc chuyển giao trách nhiệm trả nợ chưa được sự đồng ý của ông Đ, bà H. Như vậy, việc ông H, bà V thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ sang cho ông H mà chưa được sự đồng ý của người có quyền là ông Đ, bà H là vi phạm Điều 370 Bộ luật dân sự.

[2.4] HĐXX xét thấy các bên đã tự nguyện ký kết hợp đồng, hợp đồng hợp pháp về cả nội dung, hình thức nên có hiệu lực pháp luật. Tại giấy mượn tiền không quy định thời hạn trả nợ nhưng ông Đ, bà H đã gửi thông báo và nhiều lần trực tiếp yêu cầu ông H, bà V có trách nhiệm trả nợ nhưng ông bà không thực hiện là vi phạm Điều 469 Bộ luật dân sự. Ông H và bà V ký kết hợp đồng vay trong thời kỳ hôn nhân nên phải chịu trách nhiệm liên đới đối với nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng vay theo như quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình. Do đó, cần buộc ông H, bà V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đ, bà H số tiền 150.000.000 đồng. Riêng đối với số tiền ông H vay 10.000.000 đồng ngày 02/7/2021 cần buộc ông H có trách nhiệm trả cho ông Đ, bà H là phù hợp.

[2.5] Nguyên đơn là ông Phan Ngọc Đ và bà Phạm Thị Hoa không yêu cầu tính lãi nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

- Ông Võ Đăng H và bà Dương Vũ Vi V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

- Ông Võ Đăng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng x 5% = 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

*- Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Điều 288, Điều 370, Điều 463, Điều 466; Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Xử:

I. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của ông Phan Ngọc Đ, bà Phạm Thị Thanh H đối với ông Võ Đăng H, bà Dương Vũ Vi V.

1. Buộc ông Võ Đăng H, bà Dương Vũ Vi V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Ngọc Đ, bà Phạm Thị Thanh H số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Buộc ông Võ Đăng H phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan Ngọc Đ, bà Phạm Thị Thanh H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ số tiền phải thi hành án, thì người phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Đăng H, bà Dương Vũ Vi V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

- Ông Võ Đăng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trinh